

kể đến 31/12/2014: 10.549.256.673 đồng) bao gồm nhà thuộc sở hữu nhà nước giao cho Công ty quản lý cho thuê để ở, cho thuê SXKD (hoặc bán theo nghị định 61/CP ngày 5/7/1994 và Nghị định 34/CP ngày 22/4/2013).

Việc quản lý cho thuê nhà thuộc SHNN (nhà ở, nhà SXKD) công ty thực hiện theo công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 của UBND Thành phố về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc SHNN do UBND TP là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ.

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 486.968.000 đồng, trong đó:

+ Đầu tư dài hạn khác: 750.000.000 đồng, số tiền đầu tư của Công ty mua cổ phiếu tại ngân hàng thương mại cổ phần Phương Nam 60.871 cổ phiếu.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: 263.320.000 đồng đây là giá trị dự phòng đầu tư chứng khoán ngân hàng thương mại cổ phần Phương Nam theo thị giá ngày 31/12/2014 là 8.000 đồng/cổ phiếu.

- Tài khoản dài hạn khác (chi phí trả trước dài hạn) 1.851.606.582 đồng đây là khoản chi phí trích trước dài hạn, Công ty sử dụng để phân bổ:

+ Nộp khoản chênh lệch giữa tiền thu cho thuê đất với tiền thuê đất phải nộp cho ngân sách theo Biên bản Kiểm toán chuyên đề : "quản lý, sử dụng bán nhà thuộc sở hữu nhà nước và quản lý sử dụng nguồn thu bán nhà thuộc SHNN từ năm 2006- 2010" số tiền 2.133.683.955 đồng. Công ty phân bổ đưa vào chi phí trong 5 năm từ 2012 đến 2016 mỗi năm 426.736.791 đồng. Công ty đã phân bổ 3 năm 2012- 2014 số tiền:1.280.210.373 đồng. số dư còn phân bổ cuối năm 2014 là 853.473.582 đồng.

+ Phân bổ tiền sửa chữa mặt bằng 108/24 Trần Quang Diệu để làm trụ sở văn phòng công ty với số tiền : 1.657.965.779 đồng. Công ty đã phân bổ từ năm 2012- 2014 là: 856.965.779 đồng, số dư còn phân bổ cuối năm 2014 là 801.000.000 đồng.

+ Sửa chữa trụ sở cải tạo văn phòng 200B Võ Văn Tần số tiền 347.133.000 đồng trong năm đã phân bổ 150.000.000 đồng số còn lại chưa phân bổ: 197.133.000 đồng.

#### *c) Quản lý nợ phải trả*

- Nợ ngắn hạn cuối năm là 47.407.689.941 đồng, chiếm 76% nợ phải trả, trong đó các khoản chiếm tỷ trọng lớn, gồm:

+ Phải trả người bán: 25.968.142.499 đồng, chủ yếu là các khoản công nợ còn phải trả cho các đội thi công thực hiện các công trình: 25.468.936.871 đồng, khoản phải trả do chưa làm thủ tục quyết toán với KBNN quận 3 khoản chi phí quản lý các công trình do công ty làm chủ đầu tư: 438.220.628 đồng, phải trả khác: 60.985.000 đồng. Nhìn chung đơn vị hạch toán phù hợp. Tỷ lệ đối chiếu 97,7 %.

+ Phải trả người lao động: 10.806.143.207 đồng là quỹ lương còn lại chưa chi của người lao động, viên chức quản lý và tiền ăn giữa ca năm 2014, đã bao gồm trích lập quỹ dự phòng tiền lương 4.070.000.000 đồng. Qua kiểm tra, đơn vị đã chi trả cho người lao động trong quý 1/2015 theo quy định.

Công ty thực hiện và quản lý tiền lương theo quy định tại thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Năm 2014, căn cứ vào thông báo số 12/TB-UBND ngày 10/2/2014 của UBND Tp.HCM về Kế hoạch tài chính

năm 2014 của công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 3, công ty đã xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2014 của lao động trực tiếp, quỹ lương của viên chức quản lý. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là 34.897 triệu đồng, quỹ tiền lương của viên chức quản lý là 1.992 triệu đồng.

Về các khoản trích theo lương: Qua kiểm tra cho thấy công ty thực hiện trích và nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

+ Các khoản phải trả, phải nộp khác: 4.528.404.125 đồng, chủ yếu là khoản cần trừ tiền thuê nhà sản xuất kinh doanh 200B Võ Văn Tần, P5, Q3 (trụ sở làm việc của đơn vị) nộp thừa do xác định lại giá theo CV số 3911/STC-BVG ngày 12/5/2014 của Sở Tài chính thành phố và Thông báo số 19622/-TT-CCT nộp tiền thuê đất năm 2014 ngày 23/10/2014 của Chi Cục thuế quận 3.

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: -4.842.026.347 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi đến cuối năm âm do điều chỉnh giảm theo biên bản kiểm tra của chi cục tài chính doanh nghiệp năm 2012 do trích lập quỹ khi chưa được công nhận kết quả xếp loại doanh nghiệp.

- Nợ dài hạn là 14.942.154.347 đồng, trong đó:

+ Phải trả dài hạn khác: 12.613.518.933 đồng, chủ yếu là các khoản thu tiền trả góp, tiền thuê nhà, lãi trả góp của các hộ dân tại chung cư Huỳnh Văn Chính, Kỳ Đông, Lý Thái Tổ, AB Cao Thắng; thu ký quỹ tiền thuê nhà + thuê xe (có đối chiếu xác nhận công nợ, tỷ lệ 77,8%), tiền bảo dưỡng chung cư 3% (do chưa có ban quản trị chung cư) và các chi phí khác.

+ Doanh thu chưa thực hiện 825.350.062 đồng, theo dõi khoản phải thu tiền thuê nhà đối với các hộ dân đang thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước. Nhìn chung, đơn vị hạch toán phù hợp với thực tế hoạt động dịch vụ của công ty.

+ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: 1.503.285.600 đồng, đơn vị trích lập theo quy định.

#### *d) Quản lý vốn chủ sở hữu:*

- Vốn chủ sở hữu của đơn vị cuối năm là 62.947.769.783 đồng, trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu là 37.615.000.000 đồng, Quỹ đầu tư phát triển: 1.700.495.718 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 23.632.274.065 đồng

- Nguồn kinh phí: 19.418.275.588 đồng, trong đó chiếm tỷ trọng lớn là nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ là bất động sản đầu tư: 16.963.539.721 đồng, giá trị nhà thuộc sở hữu nhà nước giao cho công ty quản lý có nguyên giá là: 27.512.796.394 đồng, bao gồm nhà thuộc sở hữu nhà nước giao cho Công ty quản lý cho thuê để ở, cho thuê SXKD (hoặc bán theo nghị định 61/CP ngày 5/7/1994 và Nghị định 34/CP ngày 22/4/2013)

#### *e) Quản lý doanh thu:*

Về cơ bản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được quản lý và ghi nhận đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán số 14 và 15. Đối với hoạt động xây lắp và các hoạt động dịch vụ khác, công ty đã ghi nhận doanh thu, giá vốn đầy đủ, mở sổ chi tiết theo dõi cho từng hoạt động dịch vụ đúng chế độ quy định. Tuy nhiên qua kiểm toán phần khối lượng quét rác. Công Ty đã ghi nhận doanh thu phần quét rác

theo hợp đồng ký kết với Phòng Tài nguyên – Môi trường (thuê bao với ngân sách quận), tuy nhiên UBND Thành phố áp dụng quy trình quét, thu gom rác chậm so với quy định tại Quyết định số 592/QĐ- BXD ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị: Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/06/2014, Thành phố áp dụng từ 01/11/2014.

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là khoản lãi tiền gửi ngân hàng: 1.619.862.123 đồng, tiền cho thuê mặt bằng với công ty CP Bất động sản Á Châu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh: 60.000.000 đồng. (Đến tháng 12/2014, công ty đã hoàn nhập khoản doanh thu này sang tài khoản 3339- Nộp vào NSNN theo biên bản kiểm tra của chi cục TCDN 2012).

g) *Quản lý chi phí*: Công ty theo dõi và hạch toán chi phí hoạt động sản xuất – kinh doanh phát sinh trong kỳ theo quy định, các khoản chi phí trực tiếp được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí, tính giá thành, chi phí chung được phân bổ theo tiêu chí hợp lý.

i) *Thuế và các khoản phải nộp NSNN*: Về cơ bản, công ty đã thực hiện kê khai và nộp các loại thuế, phí và các khoản phải nộp... theo quy định hiện hành.

k) *Quản lý kết quả và phân phối kết quả kinh doanh*:

Lợi nhuận từ năm 2013 chuyển sang: 12.369.801.115 đồng. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014: 7.770.974.035 đồng, trong năm, đơn vị điều chỉnh giảm 381. 820.304 đồng của năm 2012 theo Biên bản kiểm tra của Chi cục tài chính doanh nghiệp và thanh tra thuế 2014, nên lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014 là 7.389.153.731 đồng.

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 tăng 5.081.187.521 đồng theo biên bản kiểm tra của chi cục Tài chính doanh nghiệp năm 2012 do điều chỉnh lại bút toán trích lập các quỹ khi chưa được công nhận kết quả xếp loại doanh nghiệp.

Qua kiểm tra cho thấy, đến tháng 5/2015, đơn vị đã tạm phân phối lợi nhuận của năm 2012, 2013, 2014. Số còn dư sau khi tạm trích lập các quỹ là 1.207.868.302, đơn vị đã nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

## **1.2. Công tác kế toán**

- Tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tập trung. Bộ máy kế toán của công ty về cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác kế toán, thống kê của đơn vị.

- Chứng từ kế toán: Nhìn chung chứng từ kế toán của đơn vị tương đối đảm bảo quy định. Chứng từ được lưu trữ gọn gàng, dễ kiểm tra.

- Về sổ kế toán: Đơn vị thực hiện việc ghi sổ kế toán thủ công, chưa sử dụng phần mềm kế toán.

- Hạch toán kế toán: Công ty hạch toán kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu biểu quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## 2. Quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước

### 2.1. Về kiểm toán kinh phí thuê bao thu gom rác, vận chuyển rác thực hiện với ngân sách quận:

Trong năm Công ty thực hiện kinh phí thuê bao dịch vụ công ích với ngân sách quận 3 như sau:

- Đối với công tác quét dọn vệ sinh sản lượng thực hiện năm 2014: 254.249 (1.000 m<sup>2</sup>) (trong đó quét thu gom rác ban đêm: 227.434,19; quét, thu gom rác ban ngày: 26.815,10) đạt 93% kế hoạch năm 2014 (sản lượng kế hoạch năm 2014: 272.722 (1.000 m<sup>2</sup>)). Tương ứng với doanh thu thực hiện: 19.407.426.807 đồng (trong đó quét thu gom rác ban đêm: 17.681.022.578 đồng; quét, thu gom rác ban ngày: 1.726.404.229 đồng. Đơn giá quét thu gom rác thực hiện theo Quyết định số 6274/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về ban hành đơn giá quét rác đường phố năm 2011-2012 (năm 2013,2014 TP HCM chưa ban hành đơn giá mới) đồng thời áp dụng mức lương tối thiểu vùng 1.512.500 đồng. Đối với khối lượng quét rác lòng đường ban ngày đơn vị áp dụng theo QĐ 1177/QĐ-TNMT-CTR ngày 16/7/2013; Đối với khối lượng quét, thu gom rác lòng đường ban đêm, công ty áp dụng quy trình quét theo Quyết định 592/QĐ- BXD ngày 30/5/2014 về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị (có hiệu lực từ ngày 1/6/2014) đối với sản lượng quét, thu gom rác vào 2 tháng cuối năm là chậm so với quy định.

- Đối với công tác duy tu mảng xanh sản lượng thực hiện năm 2014: 6.243.063 m<sup>2</sup> đạt 94% kế hoạch sản lượng năm 2014. Trong năm quận đặt hàng giám diện tích duy tu mảng xanh Hoàng Sa từ ngày 26/2/2014, mảng xanh Bà huyện Thanh Quan, Trương Định, Ngô Thời Nhiệm. Doanh thu thực hiện năm 2014: 5.671.360.266 đồng.

### 2.2. Về Việc quản lý lao động; quản lý và sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng:

Công ty thực hiện và quản lý tiền lương theo quy định tại thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Năm 2014, căn cứ vào thông báo số 12/TB-UBND ngày 10/2/2014 của UBND Tp.HCM về Kế hoạch tài chính năm 2014 của công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 3, công ty đã xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2014 năm của lao động trực tiếp, quỹ lương của viên chức quản lý. Căn cứ theo biên bản họp ngày 19/6/2015 có sự tham gia của Sở lao động-Thương binh - Xã hội và chi cục Tài chính doanh nghiệp. Ngày 30/3/2015, UBND quận 3 ra thông báo số 303/TB-UBND về việc thông báo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014, theo đó, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là 34.897 triệu đồng, quỹ tiền lương của viên chức quản lý là 1.992 triệu đồng.

Đối với chi tiền ăn giữa ca cho người lao động theo mức 680.000 đồng/người/tháng theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26/4/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với các khoản trích theo lương được công ty thực hiện trích và nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

### **2.3. Về tình hình, hiện trạng quản lý, sử dụng đất được Nhà nước giao sử dụng, giao giữ hộ:**

#### **\* Việc quản lý và sử dụng đất giao Công ty quản lý:**

Căn cứ vào QĐ số 4870/QĐ-UBND ngày 9/9/2013 về chấp thuận cho công ty được tiếp tục sử dụng 9 khu đất trên địa bàn Quận 3 với mục đích "trụ sở, văn phòng đội vệ sinh, phòng trưng bày sản phẩm" đối với phần diện tích phù hợp với quy hoạch không thuộc lộ giới thuê đất 50 năm kể từ ngày 1/1/1996, QĐ số 3062/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 về Quyết định về cho Công ty Dịch vụ Công ích quận 3 sử dụng đất tại địa chỉ 200B đường Võ Văn Tần, Phường 5 Quận 3. Công ty trả tiền thuê đất hàng năm.

Tình hình sử dụng các lô đất : Công ty đã sử dụng không đúng mục đích đối với 3 lô nhà, đất: số 93 Võ Thị Sáu Công ty; số 9/18B Kỳ Đồng, Phường 9 Quận 3 và lô nhà, đất số 453/82 Lê Văn Sỹ phường 12 quận 3: Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Á Châu. Ngoài ra, Công ty Á Châu thường xuyên chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính,... Công ty đã nhiều lần phát hành văn bản đề nghị Công ty Á Châu thanh toán tiền thuê nhà và thông báo chấm dứt cho thuê thu hồi 02 căn nhà, đất trên khi hết hạn hợp đồng.

Theo thông báo số 319/TB-VP ngày 18/4/2015 của UBND Thành Phố chấp thuận cho Công ty tiếp tục quản lý sử dụng mặt bằng số 93 Võ Thị Sáu, quận 3 đồng thời Công ty phải có phương án khai thác khả thi, có hiệu quả trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thu hồi 2 mặt bằng số 9/18B Kỳ Đồng và mặt bằng 453/82 Lê Văn Sỹ để sử dụng cho mục đích công ích.

Công ty đã thu hồi mặt bằng 453/82 Lê Văn Sỹ và bàn giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 31/7/2015. Đối với mặt bằng 9/18 Kỳ Đồng đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán Công ty đã thu hồi, bàn giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố.

#### **\* Việc quản lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước giao cho công ty giữ hộ:**

Năm 2014: Công ty TNHH MTV DVCI Quận 3 được giao quản lý và giữ hộ 328 căn nhà thuộc sở hữu nhà nước; 57 căn nhà kinh doanh.

Về quản lý thu, nộp ngân sách tiền cho thuê nhà, đất năm 2014: Nhìn chung việc tính tiền thuê đất được đơn vị áp dụng phù hợp theo các quy định của thành phố ban hành: Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của UBND thành phố HCM về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê nhà SXKD đơn vị áp dụng phù hợp với các quy định tại Quyết định 3346/QĐ-UB-QLĐT ngày 7/10/1994 về việc điều chỉnh biểu giá thu tiền thuê nhà cơ quan hành chính sự nghiệp- cơ quan kinh doanh- sản xuất sử dụng thuộc diện nhà nước quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh.

### **3. Việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Trong năm 2014, công ty đã triển khai thực hiện Luật tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của công ty: phát động phong trào đăng ký giao ước thi đua giữa

các phòng, ban, đội. Thực hiện Quy chế dân chủ tại công ty; công khai tài chính, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, chính sách, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; công khai các chế độ chi trả cho người lao động, khen thưởng, hoạt động tài chính; xây dựng quy chế làm việc cho từng phòng, ban trực thuộc; xây dựng chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh thuộc công ty; thực hiện chuyên đề "Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh"; Đảm bảo chế độ thông tin báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về phòng Thanh tra Quận 3; Thực hiện kê khai tài sản và thu nhập định kỳ theo hướng dẫn của UBND Quận 3; ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ quy định cụ thể nội dung và định mức các chi phí văn phòng phẩm, chi phí điện - nước, điện thoại, xăng, việc mua sắm quản lý và sử dụng tài sản tại Công ty được cân đối trên cơ sở nâng cao công suất và hiệu quả sử dụng tài sản. Trong năm công ty thực hiện công văn số 348/TCDN-CN ngày 30/5/2014 của Chi cục tài chính doanh nghiệp về đăng ký mức tiết giảm chi phí quản lý, hạ giá thành sản phẩm bằng cách thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra bảo dưỡng xe, định mức nhiên liệu theo qui trình kỹ thuật. Nghiêm khắc xử lý các trường hợp không thực hiện đúng chế độ bảo dưỡng theo qui định gây hư hỏng, giảm tuổi thọ tài sản, máy móc thiết bị, giám sát chặt chẽ việc kiểm tu sửa chữa, đề xuất thay thế vật tư phụ tùng. Kết quả đạt được tổng số thực tế tiết giảm được một tỷ đồng trong năm.

**4. Đánh giá việc thực hiện quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước; việc thực hiện Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với DN do Nhà nước làm chủ sở hữu và DN có vốn nhà nước; đánh giá tình hình thực hiện Đề án "Tái cơ cấu DNNN"**

- Người đại diện vốn Nhà nước cơ bản đã tuân thủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện vốn Nhà nước, đã thực hiện các phương thức giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, thực hiện báo cáo theo các mẫu quy định theo quy định Thông tư 158/2013/TT-BTC, ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính;

- Doanh thu và thu nhập khác: chỉ đạt 61,97% /kế hoạch.

- Lợi nhuận 2014: 6408 triệu đồng chỉ đạt 83,65% /kế hoạch.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH) 2,51 lần (>1).

- Việc thực hiện khối lượng sản phẩm công ích: thu gom rác, vận chuyển rác chỉ đạt 93,23% so với kế hoạch Nhà Nước giao.

- Công ty chấp hành nghiêm chế độ chính sách pháp luật về thuế và khoản thu nộp ngân sách khác, về tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, về lao động, tiền lương, về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo thống kê.

### **III. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC**

#### **1. Về các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh**

Qua kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2014 của đơn vị nhận thấy, hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị được thể hiện thông qua một số chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	TH 2014/ TH 2013 (%)
Tổng thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.444	93.853	61,97
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.162	87.038	60,80
Lợi nhuận trước thuế	7.661	6.408	83,65
Tổng tài sản	169.169	144.716	85,54
Vốn chủ sở hữu	52.193	62.948	120,60
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,35	7,36	137,59
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	4,53	4,43	97,78
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu	14,68	10,18	69,36

## 2. Về chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng Tài sản/Tổng Nợ phải trả): 2,32 lần, tăng 0,56 lần so với năm 2013.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): 2,51 lần, tăng 0,86 lần so với năm 2013.

- Khả năng thanh toán nhanh: (Tiền và các các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): 0,91 lần.

- Hệ số nợ phải trả (Nợ phải trả/vốn CSH): 0,99 lần, giảm 0,85 lần so với năm 2013

## 3. Về bảo toàn vốn

Mức độ bảo toàn vốn theo số liệu báo cáo, xác định theo hệ số  $H = (\text{Vốn CSH tại thời điểm báo cáo}) / (\text{Vốn CSH cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo}) = 1,05 > 1$ , công ty đã bảo toàn vốn chủ sở hữu năm báo cáo.

## Phần thứ Hai KIẾN NGHỊ

### 1. Đối với Công ty TNHH MTV DVCI Quận 3

1.1 Điều chỉnh sổ sách kế toán: Đề nghị Công ty điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính năm 2014 theo số liệu của Kiểm toán Nhà nước nêu trên.

1.2 Kiến nghị xử lý tài chính:

Nộp ngân sách nhà nước số thuế TNDN Kiểm toán xác định tăng: 25.759.223 đồng, do giảm chi chí và tăng thu nhập khác như đã nêu trên.

1.3 Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán:

- Chấn chỉnh công tác hạch toán kế toán: hạch toán ghi sổ các khoản công nợ đầy đủ kịp thời theo quy định.

## 2. Đối với UBND Thành phố

Xem xét sửa đổi, ban hành mới quy định về giá cho thuê nhà, đất đối với hoạt động cho thuê nhà đất, mặt bằng thuộc SHNN để SXKD theo hướng giá cho thuê phải sát mặt bằng giá thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường, nhằm khai thác hiệu quả tài sản nhà nước.

\* \* \*

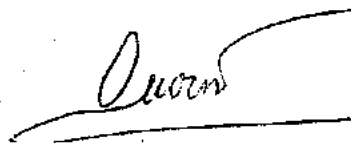
Đề nghị Công ty TNHH MTV DVCI Quận 3 thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về KTNN khu vực IV (địa chỉ: số 49 đường Pauster, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) trước ngày 30/04/2016.

Khi đơn vị thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về nộp Ngân sách nhà nước, đề nghị ghi rõ trên chứng từ: "*Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2015*" theo Công văn số 32/KV IV-TH ngày 18/01/2016 của KTNN Khu vực IV gửi Kho bạc Nhà nước TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo kiểm toán gồm 18 trang, từ trang 01 đến trang 18 và các phụ lục số 01/BCKT-DN là không thể thiếu của báo cáo này.

**TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN**

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TOÁN**



**Trần Quốc Quang**  
Số hiệu thẻ KTVNN: C0668/KTV



**Đặng Quang Trung**  
Số hiệu thẻ KTVNN: B0227/KTVC

**KIỂM TOÁN TRƯỞNG**



**Trương Thị Việt Hương**

**Nơi nhận:**

- Cty TNHH MTV DVCI Quận 3;
- UBND TP. Hồ Chí Minh;
- Tổ kiểm toán;
- Lưu: HSKT.

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NSNN TẠI CÔNG TY  
TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
		1	2
<b>I</b>	<b>Các khoản phải nộp NSNN</b>	<b>25.759.223</b>	
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN	25.759.223	
3	Thuế XNK		
4	Thuế TTĐB		
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất		
6	Thuế TNCN		
7	Thuế tài nguyên		
8	Thuế khác		
9	Phí, lệ phí		
10	Các khoản phải nộp NSNN khác		
<b>II</b>	<b>Giảm thanh toán</b>	<b>0</b>	
<b>III</b>	<b>Giảm trừ dự toán</b>	<b>0</b>	
<b>IV</b>	<b>Các khoản giảm chi khác</b>	<b>0</b>	